

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
**THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

Số tín chỉ: **02**  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành: Việt Nam học

Năm 2016

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

- Tên học phần: Thể chế chính trị Việt Nam**
- Mã học phần: VNH 429**
- Số tín chỉ: 2(2,0)**
- Trình độ sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ 3**
- Phân bổ thời gian:**
  - Lên lớp lý thuyết: 30 tiết
  - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết: Không**
- Giảng viên**

| STT | Học hàm, học vị, họ tên     | Số điện thoại | Email                  |
|-----|-----------------------------|---------------|------------------------|
| 1   | ThS. Nguyễn Thị Sao         | 0977125491    | Maisao@gmail.com       |
| 2   | ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền | 0989836345    | Huyentb2010@gmail.com  |
| 3   | ThS. Nguyễn Thị Thảo        | 0904422018    | Nguyenthaosd@gmail.com |

### 8. Mô tả các nội dung học phần:

Giới thiệu những khái niệm cơ bản về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

#### 9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả                             | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|----------|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|
| MT1      | Kiến thức                         |                            |                                      |
| MT1.1    | Hiểu được các khái niệm cơ bản về | 3                          | [2.1.1b]                             |

| <b>Mục tiêu</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Mức độ theo thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b> |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
|                 | thể chế chính trị, hiến pháp, luật hiến pháp và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam.   |                                   |   |
| MT1.2           | Phân tích được quá trình biến đổi và phát triển của hệ thống chính trị trong lịch sử Việt Nam.   | 3                                 | [2.1.1b]                                    |
| <b>MT2</b>      | <b>Kỹ năng</b>   |                                   |   |
| MT2.1           | Biết cách tiếp cận vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khoa học.  | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| MT2.2           | Biết các sưu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập và nghiên cứu.  | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| MT2.3           | Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế chuyên ngành.   | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| <b>MT3</b>      | <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>  |                                   |   |
| MT3.1           | Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.   | 4                                 | [2.3.1]                                     |
| MT3.2           | Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công. | 4                                 | [2.3.1]                                     |

### **9.2. Chuẩn đầu ra**

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| <b>CDR học phần</b> | <b>Mô tả</b>  | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| <b>CDR1</b>         | <b>Kiến thức</b>  |                       |  |
| CDR1.1              | Hiểu và nêu được các khái niệm cơ bản về thể chế chính trị, hiến pháp, luật hiến pháp và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam.         | 3                     | [1.3]                                  |
| CDR1.2              | Phân tích được cá quá trình biến đổi và phát triển của hệ thống chính trị Việt Nam trong lịch sử.   | 3                     | [1.3]                                  |
| <b>CDR2</b>         | <b>Kỹ năng</b>  |                       |  |
| CDR2.1              | Có kỹ năng phân tích và lí giải tính ưu việt và vai trò lịch sử của hệ thống chính trị cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. | 4                     | [2.8]                                  |
| CDR2.2              | Rèn luyện năng lực tư duy lý luận về các vấn đề của hệ thống chính trị Việt Nam.  | 4                     | [2.8]                                  |
| <b>CDR3</b>         | <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>   |                       |  |
| CDR3.1              | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.   | 4                     | [3.1]                                  |
| CDR3.2              | Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.   | 4                     | [3.1]                                  |
| CDR3.3              | Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.  | 4                     | [3.1]                                  |

#### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

| <b>Chương</b> | <b>Nội dung học phần</b>   | <b>Chuẩn đầu ra của học phần</b> |                |                |                |                |                |                |
|---------------|--|----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|               |  | <b>CDR1</b>                      |                | <b>CDR2</b>    |                | <b>CDR3</b>    |                |                |
|               |  | <b>CDR 1.1</b>                   | <b>CDR 1.2</b> | <b>CDR 2.1</b> | <b>CDR 2.2</b> | <b>CDR 3.1</b> | <b>CDR 3.2</b> | <b>CDR 3.3</b> |
| <b>1</b>      | <b>Chương 1: Nhập môn thể chế chính trị Việt Nam</b><br>1.1. Khái niệm thể chế<br>1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thể chế chính trị. | X                                | X              | X              | X              | X              |                | X              |
| <b>2</b>      | <b>Chương 2: Hiến pháp Việt Nam</b>  | X                                | X              | X              | X              | X              | X              | X              |

|          |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----------|---|---|---|---|---|---|---|---|
|          | <p>2.1. Khái niệm và các dấu hiệu đặc trưng của Hiến pháp</p> <p>2.2. Khái quát về lịch sử lập hiến Việt Nam</p>  |   |   |   |   |   |   |   |
| <b>3</b> | <p><b>Chương 3: Hệ thống chính trị Việt Nam</b></p> <p>3.1. Hệ thống chính trị là gì ?</p> <p>3.2. Cấu trúc của hệ thống chính trị</p> <p>3.3. Chức năng của hệ thống chính trị</p> <p>3.4. Các nguyên tắc và cơ chế vận hành</p> <p>3.5. Các quan hệ chính trị</p> <p>3.6. Đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta</p> <p>3.7. Cấu trúc và quan hệ giữa các nhân tố của hệ thống chính trị nước ta</p> | X | X | X | X | X | X | X |
| <b>4</b> | <p><b>Chương 4: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</b></p> <p>4.1. Khái quát về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>4.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>4.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 1992</p>  | X | X | X | X | X | X | X |
| <b>5</b> | <p><b>Chương 5: Bộ máy Nhà nước</b></p> <p>5.1. Khái niệm bộ máy</p>  | X | X | X | X | X | X | X |

|   |  |   |   |  |   |   |   |   |
|---|--|---|---|--|---|---|---|---|
|   | <p>nhà nước</p> <p>5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước</p> <p>5.3. Tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>   |   |   |  |   |   |   |   |
| 6 | <p><b>Chương 6: Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p>6.1. Địa vị pháp lí của Quốc hội</p> <p>6.2. Nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội</p> <p>6.3. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội</p>   | X | X |  | X | X | X | X |
| 7 | <p><b>Chương 7: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p>7.1. Địa vị pháp lí của Chủ tịch nước</p> <p>7.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.</p> <p>7.3. Phó Chủ tịch nước</p> <p>7.4. Hội đồng Quốc phòng và An ninh</p> <p>7.5. Bầu cử Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước</p> | X | X |  | X | X | X | X |
| 8 | <p><b>Chương 8: Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p>8.1. Khái niệm Chính phủ</p> <p>8.2. Cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ</p> <p>8.3. Thẩm quyền của</p>  | X | X |  | X | X | X | X |

|   |   |   |   |  |   |   |   |   |
|---|---|---|---|--|---|---|---|---|
|   | Chính phủ<br>8.4.Trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.   |   |   |  |   |   |   |   |
| 9 | <b>Chương 9: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</b><br>9.1. Khái niệm, tính chất của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân<br>9.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân<br>9.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân<br>9.4. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân<br>9.5. Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân | X | X |  | X | X | X | X |
|   | <b>Chương 10: Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân</b><br>10.1. Tòa án nhân dân<br>10.2.Viện kiểm sát nhân dân   | X | X |  | X |   | X | X |

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi   |
|--------------|---|
| CDR1         | Bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần               |
| CDR2         | Bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần                   |
| CDR3         | Bài tập thảo luận nhóm trong các giờ học, bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần |

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

| STT | Điểm thành phần   | Quy định  | Trọng số | Ghi chú |
|-----|---|---|----------|---------|
| 1   | Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên | - Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần<br>- Hoàn thành các bài tập được giao | 20%      |         |
| 2   | Kiểm tra giữa học phần  | Hình thức kiểm tra: Làm bài kiểm tra giữa học phần  | 30%      |         |
| 3   | Thi kết thúc học phần   | Hình thức thi: Tự luận<br>Thời gian: 90 phút  | 50%      |         |

### **11.3. Phương pháp đánh giá**

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thảo luận nhóm được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung thảo luận theo chủ đề.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng giáo trình, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi:

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi tự luận. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng giáo trình, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

### **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, thảo luận nhóm để làm nổi bật các nội dung của bài học từ đó hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hiện thảo luận nhóm giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Kỹ năng thuyết trình, đặt câu hỏi...

### **13. Yêu cầu học phần**

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về các nền văn minh trên thế giới.



- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ học, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

#### 14. Tài liệu phục vụ học tập

##### - Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình *Thế chế chính trị Việt Nam* - Trường Đại học Sao Đỏ

##### - Tài liệu tham khảo.

2. Lê Minh Toàn (2009), Giáo trình Pháp luật đại cương – NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

3. Trịnh Xuân Dũng – Nguyễn Hữu Viện (2001), *Luật kinh doanh du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia.

4. [www.chinhphu.vn/portal/page/portal](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal)

#### 15. Nội dung chi tiết học phần:

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV   |
|------|--|-----------|--------------------|---|
| 1    | <b>Chương 1: Nhập môn thể chế chính trị Việt Nam</b><br><b>Mục tiêu chung:</b><br>Cung cấp khái niệm về đặc điểm và phân loại thể chế, thể chế chính trị Việt Nam<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>1.1. Khái niệm thể chế<br>1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thể chế chính trị. | 2         | Tài liệu [1],[2]   | + Đọc tài liệu [1] từ trang 2 đến trang 9 làm bài tập cuối chương 1.<br>+ Đọc tài liệu [2] trang 2 đến trang 15 |
| 2    | <b>Chương 2: Hiến pháp Việt Nam</b><br><b>Mục tiêu chung:</b>  | 2         | Tài liệu [1],[2]   | + Đọc tài liệu [1] từ trang 10 đến trang 14.<br>+ Đọc tài liệu [3] trang  |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV   |
|------|--|-----------|--------------------|---|
|      | <p>- Nêu được các khái niệm, và các thời kì lịch dấu hiệu đặc trưng của Hiến pháp</p> <p>- Cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung tư tưởng lập hiến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>2.1. Khái niệm và các dấu hiệu đặc trưng của Hiến pháp</p> <p>2.2. Khái quát về lịch sử lập hiến Việt Nam</p> <p>2.2.1. Tư tưởng lập hiến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p>2.2.2. Hiến pháp năm 1946</p> <p>2.2.3. Hiến pháp năm 1959</p> <p>2.2.4. Hiến pháp năm 1980</p> <p>2.2.5. Hiến pháp năm 1992</p> |           |                    | 15 đến trang 20.  |
| 3    | <p><b>Chương 3: Hệ thống chính trị Việt Nam</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b></p> <p>- Nêu được các kiến thức cơ bản về đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam</p> <p>- Trình bày được cấu trúc, chức năng, các nguyên tắc cơ bản, các quan hệ chính trị và cấu trúc và quan hệ giữa các nhân tố của hệ thống chính trị nước ta</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.1. Hệ thống chính trị là</p>   | 2         | Tài liệu [1],[2]   | <p>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 15 đến trang 19</p> <p>+ Đọc tài liệu [2] trang 2 đến trang 17</p> |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV   |
|------|---|-----------|--------------------|---|
|      | gì<br>3.2. Cấu trúc của hệ thống chính trị<br>3.3. Chức năng của hệ thống chính trị<br>3.4. Các nguyên tắc và cơ chế vận hành   |           |                    |   |
| 4    | 3.5. Các quan hệ chính trị<br>3.6. Đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta<br>3.7. Cấu trúc và quan hệ giữa các nhân tố của hệ thống chính trị nước ta  | 2         | Tài liệu [1], [3]  | + Đọc tài liệu 1 từ trang 19 đến trang 21<br>+ Đọc tài liệu [3] từ trang 2 đến trang 10 |
| 5    | <b>Chương 4: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</b><br><b>Mục tiêu chung:</b><br>- Nêu được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của một công dân<br>- Cung cấp các kiến thức về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 1992<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>4.1. Khái quát về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân<br>4.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân<br>4.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 1992 | 2         | Tài liệu [1], [3]  | + Đọc tài liệu [1] từ trang 25 đến trang 29<br>+ Đọc tài liệu [3]                       |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV  |
|------|--|-----------|--------------------|--|
| 6    | <p><b>Chương 5: Bộ máy Nhà nước</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các nội dung về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam</li> <li>- Cung cấp kiến thức về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và các hình thức hoạt động chung.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>5.1. Khái niệm bộ máy nhà nước</p> <p>5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước</p> <p>5.3. Tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> | 2         | Tài liệu [1], [2]  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 32 đến trang 38</li> <li>+ Đọc tài liệu [2] từ trang 18 đến trang 24</li> </ul> |
| 7    | <p><b>Chương 6: Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các kiến thức về địa vị pháp lý, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ máy Quốc hội, vai trò của bộ máy này trong nhà nước.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>6.1. Địa vị pháp lí của Quốc hội</p> <p>6.2. Nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội</p>   | 2         | Tài liệu [1],[3]   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 45 đến trang 47, làm bài tập trang 56</li> <li>+ Đọc tài liệu [3]</li> </ul>    |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước         | Nhiệm vụ của SV   |
|------|--|-----------|----------------------------|---|
|      | 6.3. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội   |           |                            |   |
| 8    | Kiểm tra giữa học phần   | 2         | Đọc tài liệu [1], [3], [4] | Đọc tài liệu [1], [3], [4]<br>Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kì nghiêm túc.              |
| 9    | <p><b>Chương 7: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b><br/>Cung cấp các kiến thức về địa vị pháp lý, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chủ tịch nước</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>7.1. Địa vị pháp lý của Chủ tịch nước</p> <p>7.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.</p> <p>7.3. Phó Chủ tịch nước</p> <p>7.4. Hội đồng Quốc phòng và An ninh</p> <p>7.5. Bầu cử Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước</p> | 2         | Đọc tài liệu [1], [3]      | + Đọc và nghiên cứu trước nội dung bài học.<br>+ Đọc tài liệu [3]                         |
| 10   | <p><b>Chương 8: Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b></p> <p>- Cung cấp các kiến thức về khái niệm, cơ cấu tổ chức của chính phủ cùng các quyền hạn và thẩm quyền của cơ quan này trong bộ máy nhà nước</p>  | 2         | Đọc tài liệu [1], [3],     | +Đọc tài liệu [1] từ trang 61 đến trang 64<br>+ Đọc tài liệu [3] từ trang 38 đến trang 50 |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước    | Nhiệm vụ của SV   |
|------|---|-----------|-----------------------|---|
|      | <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>8.1. Khái niệm Chính phủ</p> <p>8.2. Cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ</p> <p>8.3. Thẩm quyền của Chính phủ</p> <p>8.4. Trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p>   |           |                       |   |
| 11   | <p><b>Chương 9: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các đặc điểm về chức năng, cơ cấu tổ chức hoạt động chung của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân</li> <li>- Cung cấp kiến thức về hình thức tổ chức và nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan này.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>9.1. Khái niệm, tính chất của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân</p> <p>9.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân</p> <p>9.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân</p> | 2         | Đọc tài liệu [1], [3] | <p>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 65 đến trang 70</p> <p>+ Đọc tài liệu [2] từ trang 51 đến trang 60</p> |
| 12   | <p>9.4. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân</p> <p>9.4.1. Cơ cấu tổ chức của</p>   | 2         | [1], [2]              | <p>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 70 đến trang 81</p> <p>+ Đọc tài liệu [2] từ</p>                       |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước        | Nhiệm vụ của SV   |
|------|---|-----------|---------------------------|---|
|      | Hội đồng nhân dân<br>9.4.2. Hình thức hoạt động của Hội đồng nhân dân   |           |                           | trang 60 đến trang 67   |
| 13   | 9.5. Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân<br>9.5.1. Cơ cấu tổ chức và cách thức thành lập Ủy ban nhân dân<br>9.5.2. Hình thức hoạt động của Ủy ban nhân dân.<br>9.5.3. Cơ chế chịu trách nhiệm của Ủy ban nhân dân  | 2         | Đọc tài liệu [1], [3]     | + Chuẩn bị nội dung thảo luận<br>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 81 đến trang 84<br>+ Đọc tài liệu [4]  |
| 14   | <b>Chương 10: Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân</b><br><b>Mục tiêu chung:</b><br>Cung cấp các kiến thức cơ bản về đặc điểm và cơ cấu tổ chức của bộ máy tòa án và Viện kiểm soát nhân dân<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>10.1. Tòa án nhân dân<br>10.1.1. Vị trí pháp lí của tòa án nhân dân<br>10.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động chủ yếu của Tòa án nhân dân<br>10.1.3. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ quyền hạn của các cấp Tòa án | 2         | Đọc tài liệu [1], [3],[4] | + Đọc trước giáo trình và đặt câu hỏi .<br>+ Đọc tài liệu [1] từ trang 88 đến trang 90<br>+ Đọc tài liệu [3] từ trang 23 đến 32<br>+ Đọc tài liệu [3] |
| 15   | 10.2.Viện kiểm sát nhân dân   | 2         | Tài liệu [1],[3],[5]      | + Đọc tài liệu [1] từ trang 90 đến trang 94   |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của SV   |
|------|--|-----------|--------------------|---|
|      | 10.2.1. Vị trí pháp lí của Viện kiểm sát nhân dân<br>10.2.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động chủ yếu của Viện kiểm sát nhân dân<br>10.2.3. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân |           |                    | + Đọc tài liệu [3] từ trang 36 đến trang 56<br>+ Đọc tài liệu [3] từ trang 53 đến trang 71<br>+ Đọc tài liệu [5] từ trang 55 đến trang 76 |
| 16   | Ôn thi kết thúc học phần   |           |                    | Sinh viên làm đề cương và ôn tập các nội dung được giao.  |

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phí Đăng Tuệ

Hoàng Đức Đoàn

Nguyễn Thị Hương Huyền